

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2018/DS-PT
Ngày: 26-10-2018
V/v “tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền.

Các Thẩm phán: - Bà Trần Thị Kim Sang;

- Bà Phạm Thị Thanh Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trương Thái Hồng, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2018/TLPT-DS, ngày 03 tháng 7 năm 2018, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 26/2018/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo; kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 133/2018/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị A, sinh năm 1960; cư trú tại: Khu phố X, thị trấn Hòa T, huyện Hòa T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1964; cư trú tại: Ấp Tam H, xã Thái B, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1952;

2. Anh Đặng Quốc T2, sinh năm 1974;

Cùng cư trú tại: Số 24/1, đường Điện Biên Phủ, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Bà T và anh T2 không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

Người kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 25-7-2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Phạm Thị A trình bày:

Bà là người cho vay tiền, bà Nguyễn Thị B là người giới thiệu người đến vay tiền để được hưởng hoa hồng. Năm 2009, những người đã vay tiền của bà trả tiền cho bà B nhờ bà B đưa lại cho bà, nhưng bà B không đưa lại mà cho người khác vay để kiếm lời, trong đó có cho bà Nguyễn Thị Kim T và anh Đặng Quốc T2 vay. Cụ thể như sau: Sáng ngày 22-5-2009 bà B cho Bà T và anh T2 vay số tiền 300.000.000 đồng để đáo nợ Ngân hàng, chiều cùng ngày bà B tiếp tục cho Bà T, anh T2 vay 300.000.000 đồng; ngày 28-5-2009 bà B cho anh T2 vay 20.000.000 đồng; ngày 08-6-2009 bà B cho Bà T, anh T2 vay 200.000.000 đồng. Tổng cộng 4 lần vay là 820.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền này là tiền của bà đưa bà B để cho Bà T, anh T2 vay, nhưng khi viết giấy nợ Bà T và anh T2 ghi mượn “dì út” là bà B; do chồng bà thứ út nên mọi người quen gọi bà là “dì út” bà nghĩ khi đưa tiền cho bà B để cho Bà T vay thì bà B đưa bà giữ giấy nợ gốc viết sẵn có người mượn tiền ký tên là được.

Bà T có đưa cho bà B 01 giấy chứng nhận QSDĐ, 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, 01 giấy phép kinh doanh, giấy chứng minh nhân dân của Bà T, anh T2, sổ hộ khẩu để nhờ bà B làm thủ tục vay tiền, sau đó bà B giao những giấy tờ trên lại cho bà.

Bà và bà B có quan hệ làm ăn chung với nhau trong việc cho vay tiền để đáo hạn Ngân hàng nhưng bà B không có tiền nên lấy tiền của bà cho vay, sau đó có tranh chấp về tiền bạc nên bà làm đơn tố cáo bà B đến Công an kinh tế tỉnh Tây Ninh và khởi kiện ra Tòa án như sau:

Năm 2009, bà khởi kiện tại Tòa án nhân dân thị xã Tây Ninh yêu cầu Bà T, anh T2 có trách nhiệm trả lại cho bà số tiền 820.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 133/2010/DS-ST ngày 29-9-2010 của Tòa án nhân dân thị xã Tây Ninh, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, buộc Bà T và anh T2 có trách nhiệm trả cho bà tiền gốc 820.000.000 đồng và tiền lãi 128.730.000 đồng; Bản án Dân sự phúc thẩm số: 23/2011/DS-PT ngày 21-01-2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Quyết định giám đốc thẩm số: 120/2014/DS-GĐT ngày 26-3-2014 của **Tòa Dân sự, Tòa án nhân dân tối cao** hủy Bản án số: 133/2010/DS-ST ngày 29-9-2010 của Tòa án nhân dân thị xã Tây Ninh và Bản án số 23/2011/DS-PT ngày

21-01-2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Tây Ninh xét xử lại, bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 109/2015/DS-ST ngày 25-9-2015 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà về việc yêu cầu Bà T, anh T2 trả 820.000.000 đồng và tiền lãi vì cho rằng Bà T và anh T2 vay tiền của bà B, không vay tiền của bà; Bản án Dân sự phúc thẩm số: 121/2016/DS-PT ngày 16-5-2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Ngày 28-7-2015, bà Nguyễn Thị B khởi kiện Bà T, anh T2 yêu cầu trả 990.000.000 đồng và tiền lãi (trong đó theo 04 giấy nợ là 820.000.000 đồng, ngoài ra Bà T có vay thêm 03 lần là 170.000.000 đồng). Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 62/2016/DS-ST ngày 12-8-2016 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, chấp nhận một phần khởi kiện của bà B, buộc Bà T trả cho bà B 113.365.000 đồng (tiền gốc 70.000.000 đồng, lãi 43.365.000 đồng); không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B về yêu cầu Bà T, anh T2 trả tiền 920.000.000 đồng và lãi suất. Bản án Dân sự phúc thẩm số: 103/2017/DS-PT ngày 21-6-2017, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà B, buộc Bà T có trách nhiệm trả cho bà B số tiền 1.054.285.000 đồng, buộc anh T2 trả cho bà B 39.357.500 đồng.

Tuy nhiên hai bản án này không đề cập đến nguồn gốc tiền từ đâu bà B có cho Bà T và anh T2 vay nên bà làm đơn tố cáo bà B tại Công an kinh tế tỉnh Tây Ninh. Qua làm việc bà B thừa nhận đã nhận tiền của những người vay trả nợ cho bà nhưng đem cho người khác vay lại, trong đó có cho bà Nguyễn Thị Kim T và anh Đặng Quốc T2 vay 820.000.000 đồng.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm trả cho bà số tiền 820.000.000 đồng và tính lãi suất từ ngày 19-7-2009 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn- bà Nguyễn Thị B: Đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập nhiều lần để làm việc nhưng bà không đến nên không có lời khai của bà B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Bà hoàn toàn không biết việc vay mượn giữa Bà Phạm Thị A và bà Nguyễn Thị B. Việc bà và anh T2 nợ tiền bà B đã được giải quyết và bà đã trả tiền cho bà B xong.

Nay bà A kiện bà B yêu cầu trả nợ, bà xác định không liên quan nên không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Quốc T2 trình bày:

Anh thống nhất ý kiến của bà Nguyễn Thị Kim T, anh không có ý kiến gì trong vụ án này vì không liên quan.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 26/2018/DS-ST ngày 19-4-2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị A đối với bà Nguyễn Thị B.

Buộc bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm trả cho Bà Phạm Thị A số tiền gốc là 820.000.000 đồng và lãi 645.750.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 1.465.750.000 đồng (Một tỷ bốn trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí; quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 17-5-2018 bà Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị A về yêu cầu bà B trả số tiền 1.465.750.000 đồng.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 01/QĐ/KNPT-VKS-DS ngày 04 tháng 5 năm 2018 với nội dung đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà A, buộc bà B trả cho bà A tiền gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi suất 1.125% tính từ ngày 19-7-2009 đến ngày 15-9-2009 và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 16-9-2009 trên số tiền gốc 600.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp vay tài sản là không đúng đề nghị xác định lại là “Đòi tài sản”.

Tại phiên tòa:

Bà Phạm Thị A trình bày: Theo Biên bản hòa giải ngày 23-8-2009 tại Công an tỉnh Tây Ninh thì bà B thừa nhận nợ 600.000.000 đồng mà Bà T nợ trong sổ bà, hạn đến ngày 15-9-2009 trả dứt nợ, bà sẽ xóa nợ 220.000.000 đồng không treo nợ cho bà B, nhưng đến hạn bà B không trả tiền nên bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà B trả 820.000.000 đồng tiền gốc và yêu cầu trả lãi suất tính từ ngày 19-7-2009 đến ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất pháp luật quy định. Không đồng ý với kháng nghị của Viện kiểm sát buộc bà B trả 600.000.000 đồng vì thực tế tiền bà đưa cho vay gốc là 820.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 26/2018/DS-ST, ngày 19-4-2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành:

+ Đình chỉ xét xử phúc thẩm về việc xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị B;

+ Buộc bà B có trách nhiệm trả cho bà A 600.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, xét thấy:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Giao dịch giữa bà A và bà B là giao dịch về cho người khác vay tiền, cụ thể bà A là người cho vay, bà B giới thiệu người đến gặp bà A để vay tiền và được bà A chi trả hoa hồng; giao dịch giữa bà B và Bà T, anh T2 cũng là giao dịch vay tiền. Theo Biên bản hòa giải ngày 23-8-2009 tại Phòng Cảnh sát kinh tế - Công an Tây Ninh (BL 155) bà B thừa nhận nợ 600.000.000 đồng trong 820.000.000 đồng của Bà T nợ trong sổ bà A cùng lãi suất 2%. Như vậy, các giao dịch trên đều là vay tiền có lãi suất. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Bà Nguyễn Thị B kháng cáo không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A, không đồng ý trả cho bà A số tiền 1.465.750.000 đồng.

Bà B được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa thì coi như từ bỏ việc kháng cáo, đối chiếu theo quy định của pháp luật tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Người kháng cáo được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vắng mặt thì bị coi như từ bỏ việc kháng cáo và Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của người đó”*.

Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà B.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, đề nghị sửa bản án sơ thẩm buộc bà B có trách nhiệm trả cho bà A số tiền 600.000.000 đồng, thấy rằng:

Tại Biên bản hòa giải ngày 23-8-2009 của Công an tỉnh Tây Ninh (BL 155), bà B thừa nhận nợ 600.000.000 đồng trong 820.000.000 đồng của Bà T nợ trong sổ bà A cùng lãi suất 2% cho đến ngày 15-9-2009 bà B sẽ thanh toán dứt nợ; bà A đồng ý để bà B nhận thay Bà T 600.000.000 đồng còn lại 220.000.000 đồng bà A tự xóa nợ, không treo nợ cho bà B. Đây là thỏa thuận có điều kiện nhưng đến hạn bà B không trả 600.000.000 đồng cho bà A nên bà A không xóa nợ 220.000.000 đồng; về phía bà A phải giao lại bà B giấy tờ của Bà T mà bà A đang giữ.

Tại phiên tòa, bà A xác định do đến hạn bà B không đem tiền đến cơ quan Công an để trả cho bà nên bà không xóa nợ 220.000.000 đồng, yêu cầu bà B trả 820.000.000 đồng gốc và tiền lãi.

Tại Biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị B, ngày 06-11-2009 của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Tây Ninh (BL 219, 220), bà B khai: *“Tôi Băng xác định một lần nữa, tôi chỉ dùng số tiền mà bà A bỏ ra cho khách hàng vay đáo hạn Ngân hàng, khi vay xong họ trả tiền cho tôi, để tôi trả cho bà A dứt họ, nhưng tôi không trả để lại cho người khác vay gồm những người sau: Bà Nguyễn Thị Kim T vay 820.000.000 đồng, Nguyễn Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Thanh Hà vay 200.000.000 đồng....”*

Tại Biên bản lấy lời khai bà B, ngày 11-5-2010 của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Tây Ninh (BL 35-36), bà B khai: *“Tôi Băng dùng số tiền của những người vay tiền của bà A trả cho tôi, tôi đã dùng số tiền này cho người khác vay như sau:*

1. Cho Nguyễn Thị Thanh Hương vay 200.000.000 đồng;

.....

14. Cho bà Nguyễn Thị Kim T vay 820.000.000 đồng.

Tổng cộng tôi đã dùng tiền của chị An, để cho người khác vay tiền là 2.031.000.000 đồng”.

Như vậy, có căn cứ xác định bà B nợ bà A (nhận nợ thay Bà T, anh T2) số tiền gốc là 820.000.000 đồng.

Xét thấy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị buộc bà B trả cho bà A 600.000.000 đồng tiền gốc là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị tính lại tiền lãi bà B phải trả cho bà A trên số tiền gốc 600.000.000 đồng, thấy rằng:

Do không có cơ sở chấp nhận buộc bà B chỉ trả bà A 600.000.000 đồng gốc nên không có căn cứ để tính lại tiền lãi trên số tiền gốc 600.000.000 đồng như kháng nghị của Viện kiểm sát.

Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bà B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu kháng cáo của Băng nên tiền tạm ứng án phí mà bà B đã nộp được sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự .

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B.

- Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 26/2018/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 147; Điều 218; khoản 2 Điều 227; điểm d khoản 1 Điều 289; khoản 3 Điều 296; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự; Điều 26; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị A đối với bà Nguyễn Thị B.

Buộc bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm trả cho Bà Phạm Thị A số tiền gốc là 820.000.000 đồng và lãi 645.750.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 1.465.750.000 (một tỷ bốn trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị B phải chịu 55.972.500 (năm mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm) đồng.

Bà Phạm Thị A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh hoàn trả lại cho bà A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.350.000 đồng theo Biên lai số: 0018144 ngày 25-7-2017.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị B đã nộp theo Biên lai: 0019187 ngày 17-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh được sung công quỹ Nhà nước.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TANDH. Châu Thành;
- CCTHADSH. Châu Thành;
- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Thị Tuyên